

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 20 - 7 - 2023.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái.

Ông Lê Xuân Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xét xử, Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1997. Trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1993. Trú tại: Xóm P, Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương H trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Văn C ngày 12 tháng 01 năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 6 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do anh C chơi cờ bạc,

vay nợ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn để yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 6 năm 2023, bà Nguyễn Thị Lê (mẹ đẻ anh C) trình bày:

Anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Phương H kết hôn năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại Quảng Ninh. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị, bà Lê không biết.

Bà Lê đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà có thông báo cho anh C biết nội dung các văn bản trên nhưng anh C đang đi làm ăn xa, không về được, anh có quan điểm: anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị H anh C đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị H phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H anh C là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Phương H và anh Vũ Văn C kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do anh C cờ bạc, vay nợ. Chị H anh C đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án giải quyết anh C không có mặt.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh C đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Phương H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Phương H và anh Vũ Văn C.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Phương H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002271 ngày 28/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh

Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị H phải nộp. Chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương H, anh Vũ Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã/phường/thị trấn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng